

# XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mai Thị Hồng Hạnh<sup>(1)</sup>

Lê Quý Phương<sup>(2)</sup>

## Tóm tắt:

Qua các bước phân tích xử lý số liệu trên phần mềm SPSS chúng tôi đã phân tích được tất cả các thành phần trong chất lượng đào tạo đều có ý nghĩa trong mô hình và tác động cùng chiều đến sự hài lòng của sinh viên do các hệ số hồi quy đều mang dấu dương. Từ kết quả hồi quy có thể thấy được thang đo sự hài lòng của sinh viên phụ thuộc lớn theo thứ tự là: Khả năng thực hiện cam kết; Cơ sở vật chất; Sự quan tâm của Nhà trường tới sinh viên; Sự nhiệt tình của cán bộ và giảng viên; Mức hài lòng của người học về môn học của ISO; Đội ngũ giảng viên. Kết quả nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với thực tế của nhà trường.

**Từ khóa:** Mức độ hài lòng, chất lượng đào tạo, sinh viên, Trường Đại học TDTT TP HCM.

## Determining the level of student satisfaction about the quality of training at Ho Chi Minh City Sports University

### Summary:

Through the steps of data analysis and processing on SPSS software, the topic has analyzed that all components of training quality are significant in the model and have a positive impact on student satisfaction. members because the regression coefficients are all positive. From the regression results, it can be seen that the student satisfaction scale depends on the following order: Ability to make commitments; Infrastructure; The University's interest in students; The enthusiasm of staff and lecturers; Level of satisfaction of learners about the subject of ISO; Teaching staff. The research results are completely consistent with the reality of the school.

**Keywords:** Satisfaction level, training quality, students, Ho Chi Minh Sports University...

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giai đoạn xã hội hóa giáo dục, mở cửa và hội nhập, đào tạo đại học được xem là một dịch vụ và các đơn vị đào tạo là nhà cung cấp dịch vụ. Trong dịch vụ này, nổi bật là vai trò của sinh viên (SV) như một khách hàng sử dụng dịch vụ. Trong quản lý chất lượng hiện đại, triết lý hướng đến khách hàng đóng vai trò chủ đạo. Một trong những yếu tố quyết định cho sự tồn tại và phát triển của các đơn vị kinh doanh nói chung và các đơn vị trong lĩnh vực giáo dục nói riêng là sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ - sản phẩm mà đơn vị cung ứng. Chất lượng phải được đánh giá bởi chính những khách hàng đang sử dụng chứ không phải bởi các đơn vị cung ứng. Như vậy, trong lĩnh vực

giáo dục, việc đánh giá chất lượng dịch vụ qua ý kiến của khách hàng, trong đó khách hàng trọng tâm - người học (SV) đang trở nên hết sức cần thiết.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp: Tổng hợp và phân tích tài liệu, Phỏng vấn bằng phiếu, Điều tra xã hội học và Toán học thống kê. Khách thể nghiên cứu và khảo sát là 800 sinh viên.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

**1. Phân tích thống kê mô tả mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo tại Trường Đại học TDTT TP.HCM**

Để xác định mức độ hài lòng của SV về chất lượng đào tạo tại Trường Đại học TDTT

<sup>(1)</sup>ThS, <sup>(2)</sup>GS.TS, Trường Đại học TDTT TP HCM

TP.HCM chúng tôi tiến hành phân tích 6 thành phần chất lượng của thang đo đã được xây dựng cụ thể, gồm: Khả năng thực hiện cam kết; Cơ sở vật chất; Sự quan tâm của Nhà trường tới SV;

Sự nhiệt tình của cán bộ và giảng viên; Mức hài lòng của người học về môn học của ISO; Đội ngũ giảng viên.

**- Thành phần cơ sở vật chất:**

**Bảng 1. Kết quả phân tích mô tả thành phần cơ sở vật chất**

| TT | Các tiêu chí   | n   | Mean | Std. Deviation |
|----|--|-----|------|----------------|
| 1  | Cảnh quang, khuôn viên trường khang trang, tạo ấn tượng đẹp          | 800 | 3.63 | 0.96           |
| 2  | Phòng học, thực hành, thí nghiệm, phòng máy tính khang trang, đầy đủ | 800 | 3.27 | 1,007          |
| 3  | Trang thiết bị phục vụ dạy – học đầy đủ, hiện đại                    | 800 | 3.42 | 0.951          |
| 4  | Thư viện cung cấp tài liệu phong phú, cập nhật đầy đủ, dễ mượn       | 800 | 2.52 | 0.988          |
| 5  | Sân bãi, căn tin, kí túc xá, WC đạt yêu cầu                          | 800 | 3.26 | 1.014          |
| 6  | Hệ thống wifi phủ sóng rộng, đường truyền tốt                        | 800 | 3.74 | 0.985          |

Sau khi thu thập và phân tích dữ liệu 6 tiêu chí đánh giá thành phần cơ sở vật chất cho thấy: Cao nhất là tiêu chí Hệ thống wifi phủ sóng rộng, đường truyền tốt với giá trị trung bình là 3.74; Tiêu chí Cảnh quang, khuôn viên trường khang trang, tạo ấn tượng đẹp) đạt giá trị trung bình là 3.63, tiệm cận với mức độ Tốt; Các tiêu

chí đánh giá còn lại dao động từ 2.52 đến 3.42, tương ứng với mức độ Bình thường. Kết quả khảo sát phản ánh cơ sở vật chất của trường đạt mức trên Trung bình.

**- Thành phần sự nhiệt tình của cán bộ - giảng viên:**

**Bảng 2. Kết quả phân tích mô tả thành phần sự nhiệt tình của cán bộ - giảng viên**

| TT | Các tiêu chí  | n   | Mean | Std. Deviation |
|----|---|-----|------|----------------|
| 1  | Cán bộ phòng ban giải quyết công việc kịp thời, đúng hạn        | 800 | 2.87 | 1.065          |
| 2  | Cán bộ phòng ban giải quyết thỏa đáng các yêu cầu hợp lý của SV | 800 | 2.92 | 1.118          |
| 3  | Nhân viên, giảng viên luôn niềm nở, lịch sự với SV              | 800 | 3.24 | 0.856          |
| 4  | GV luôn sẵn lòng giúp đỡ SV trong học tập                       | 800 | 3.33 | 0.969          |
| 5  | Cán bộ phòng ban lịch sự khi giao tiếp với SV                   | 800 | 3.32 | 1.020          |
| 6  | GV quan tâm đến việc học và tiếp thu bài của SV                 | 800 | 3.27 | 0.969          |

Qua bảng 2 ta thấy: Các tiêu chí đánh giá dao động từ 2.87 đến 3.33 tương ứng với mức Bình thường. Qua đó thể hiện sự nhiệt tình của cán bộ - giảng viên nhà trường đạt mức Bình thường.

**- Thành phần Đội ngũ giảng viên:**

Qua bảng 3 ta thấy: Các tiêu chí đánh giá dao động từ thấp nhất 3.19 đến 3.98 đều tương ứng với mức độ Tốt, thể hiện đội ngũ GV của nhà

trường đạt mức Khá tốt.

**- Thành phần khả năng thực hiện cam kết:**

Qua bảng 4 ta thấy: Các tiêu chí 1,2 có giá trị lần lượt là 3.31 và 3.25 tương ứng mức Bình thường; tiêu chí 3 đạt 3.76 tương ứng mức Tốt, thể hiện khả năng thực hiện cam kết của nhà trường đạt mức Khá tốt.

**- Thành phần sự quan tâm của nhà trường đến sinh viên:**

**Bảng 3. Kết quả phân tích mô tả thành phần đội ngũ giảng viên**

| TT | Các tiêu chí  | n   | Mean | Std. Deviation |
|----|---|-----|------|----------------|
| 1  | GV có kiến thức chuyên môn vững, sâu                      | 800 | 3.95 | 0.999          |
| 2  | GV có phương pháp và kỹ năng giảng dạy tốt                | 800 | 3.91 | 1.026          |
| 3  | GV có kinh nghiệm thực tế, thường lồng ghép vào bài giảng | 800 | 3.62 | 1.107          |
| 4  | GV biết khuyến khích SV học tập tích cực                  | 800 | 3.57 | 1.007          |
| 5  | GV nhiệt huyết, tận tâm với nghề                          | 800 | 3.19 | 1.117          |
| 6  | GV đảm bảo giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy                | 800 | 3.98 | 1.014          |
| 7  | Phương pháp đánh giá của GV công bằng, chính xác          | 800 | 3.67 | 0.961          |
| 8  | GV hiểu rõ năng lực, mong muốn của                        | 800 | 3.42 | 0.977          |

**Bảng 4. Kết quả phân tích mô tả thành phần khả năng thực hiện cam kết**

| TT | Các tiêu chí  | n   | Mean | Std. Deviation |
|----|---|-----|------|----------------|
| 1  | Nhà trường thực hiện đúng tất cả các cam kết của mình   | 800 | 3.31 | 1.019          |
| 2  | Chất lượng đầu ra đạt tiêu chuẩn như đã hứa             | 800 | 3.25 | 1.004          |
| 3  | Tiến độ học tập và tốt nghiệp theo đúng cam kết ban đầu | 800 | 3.76 | 1.109          |

**Bảng 5. Kết quả phân tích mô tả thành phần sự quan tâm của nhà trường đến SV**

| TT | Các tiêu chí  | n   | Mean | Std. Deviation |
|----|---|-----|------|----------------|
| 1  | Các thông tin liên quan được cung cấp tới SV kịp thời, chính xác  | 800 | 3.61 | 1,043          |
| 2  | Số lượng và chất lượng hội thảo chuyên đề đáp ứng nhu cầu học hỏi của SV  | 800 | 3.23 | 1,042          |
| 3  | Nhà trường tổ chức đàm thoại với SV để lắng nghe tâm tư nguyện vọng, giải đáp những thắc mắc trong quá trình học tập hàng năm | 800 | 3.91 | 0.926          |
| 4  | Nhà trường quan tâm đến điều kiện sinh hoạt và học tập của SV   | 800 | 3.57 | 1,023          |
| 5  | Nhà trường sắp xếp thời học thuận tiện cho SV   | 800 | 3.2  | 1,008          |
| 6  | Hình thức khen thưởng, học bổng khích lệ được tinh thần SV  | 800 | 3.54 | 1,099          |
| 7  | Nhà trường tạo nhiều cơ hội cho SV phát huy nhu cầu học hỏi và phát triển kỹ năng   | 800 | 3.19 | 1,085          |

Qua bảng 5 ta thấy: Các tiêu chí đánh giá dao động từ thấp nhất 3.19 (tiêu chí 7) đến 3.91 (tiêu chí 3) đa số tương ứng với mức Tốt, thể hiện sự quan tâm của nhà trường đến SV đạt mức Khá tốt.

**- Thành phần Mức hài lòng của người học về môn học của ISO:**

Qua bảng 6 ta thấy: Các tiêu chí đánh giá dao động từ thấp nhất 3.24 (tiêu chí 4) đến cao nhất 4.19 (tiêu chí 3) đa số đều đạt mức Tốt đã thể hiện mức hài lòng của người học về môn học của ISO đạt mức Tốt.

**- Thành phần thang đo sự hài lòng:**

Qua bảng 7 ta thấy: Các tiêu chí đánh giá dao động từ thấp nhất 3.13 (tiêu chí 2) đến cao nhất 3.73 (tiêu chí 3) đa số tương ứng với mức Tốt và Bình thường. Qua khảo sát cho thấy sinh viên khá hài lòng với chất lượng đào tạo của nhà trường.

**2. Kiểm định hồi qui giữa các thành phần chất lượng của hoạt động đào tạo đối với sự hài lòng tại Trường Đại học TDTT TP.HCM**

**Bảng 6. Kết quả phân tích mô tả thành phần mức hài lòng của người học về môn học của ISO**

| TT | Các tiêu chí ISO   | n   | Mean | Std. Deviation |
|----|--|-----|------|----------------|
| 1  | Mục tiêu và đề cương môn học được GV giới thiệu rõ ràng ngay từ những tiết đầu tiên của môn học                        | 800 | 4.12 | 0.821          |
| 2  | GV trình bày rõ ràng yêu cầu về nội dung, phương pháp học tập và cách đánh giá môn học (thi, kiểm tra)                 | 800 | 3.72 | 1,011          |
| 3  | GV lên lớp và kết thúc môn học đúng quy định của nhà trường  | 800 | 4.19 | 0.725          |
| 4  | Môn học có giáo trình và tài liệu tham khảo đầy đủ. Nội dung hướng dẫn thí nghiệm dễ hiểu và dụng cụ thí nghiệm đầy đủ | 800 | 3.24 | 0.885          |
| 5  | Bài giảng hấp dẫn, sinh động, nội dung và cấu trúc bài giảng hợp lý  | 800 | 3.47 | 0.93           |
| 6  | GV giới thiệu kỹ thuật/ kỹ năng thực hành/ thí nghiệm rõ ràng, dễ hiểu   | 800 | 3.8  | 1,006          |
| 7  | Môn học có sự liên hệ tốt giữa lý thuyết và thực hành, các bài tập tình huống thực tế giúp SV hiểu bài tốt             | 800 | 3.7  | 0.918          |
| 8  | GV luôn nhiệt tình, giảng dạy khi người học chưa hiểu bài trên lớp   | 800 | 3.25 | 0.967          |
| 9  | GV đối xử công bằng, thẳng thắn với người học  | 800 | 3.61 | 1,008          |

**Bảng 7. Kết quả phân tích mô tả các thành phần sự hài lòng**

| TT | Các tiêu chí   | n   | Mean | Std. Deviation |
|----|--|-----|------|----------------|
| 1  | Các bạn hài lòng về chất lượng cơ sở vật chất của nhà trường             | 800 | 3.27 | 1,063          |
| 2  | Các bạn hài lòng về sự nhiệt tình của cán bộ - GV của nhà trường         | 800 | 3.13 | 1,029          |
| 3  | Các bạn hài lòng về chất lượng đội ngũ GV của nhà trường                 | 800 | 3.73 | 0.98           |
| 4  | Các bạn hài lòng về chất lượng khả năng thực hiện cam kết của nhà trường | 800 | 3.42 | 1,115          |
| 5  | Các bạn hài lòng về chất lượng sự quan tâm của nhà trường đến SV         | 800 | 3.44 | 1,082          |
| 6  | Mức hài lòng của người học về môn học của ISO                            | 800 | 3.59 | 1,089          |

Kiểm định hồi qui giữa 6 thành phần là biến độc lập (1) Cơ sở vật chất (ký hiệu CV); (2) Sự nhiệt tình của cán bộ và giảng viên (ký hiệu NT); (3) Đội ngũ giảng viên (ký hiệu GV); (4) Khả năng thực hiện cam kết (ký hiệu KN); (5) Sự quan tâm của Nhà trường tới sinh viên (ký hiệu QT); Mức hài lòng của người học về môn học của ISO (ký hiệu ISO) và Sự hài lòng (ký hiệu SET) là biến phụ thuộc vào 6 thành phần trên. Kết quả kiểm định hồi qui được thể hiện qua hệ thống các bảng sau:

Trị số R có giá trị 0,987 cho thấy mối quan

hệ giữa các biến có mối tương quan rất chặt chẽ. Báo cáo kết quả hồi qui cho thấy giá trị R (R Square) bằng 0,974 nói lên độ thích hợp là 97.4% (hay nói cách khác là 97.4% sự biến thiên của biến). Sự hài lòng được giải thích bởi 6 thành phần phản ánh chất lượng đào tạo. Giá trị R điều chỉnh (Adjusted R Square) phản ánh chính xác hơn sự phù hợp với tổng thể, trong đó giá trị R điều chỉnh bằng 0,974 (hay 97.4%) có nghĩa tồn tại hồi qui tuyến tính giữa sự hài lòng và 6 thành phần trong chất lượng đào tạo.

Phân tích phương sai ANOVA cho thấy trị số

**Bảng 8. Kết quả hồi qui giữa các thành phần chất lượng Model Summary<sup>b</sup>**

| Model | R                 | R Square | Adjusted R Square | Std. Error of the Estimate |
|-------|-------------------|----------|-------------------|----------------------------|
| 1     | .987 <sup>a</sup> | 0.974    | 0.974             | 0.174                      |

*a Predictors: (Constant), Sự quan tâm của Nhà trường tới SV, Đội ngũ giảng viên, Cơ sở vật chất, Sự nhiệt tình của CB, GV, Khả năng thực hiện cam kết, Mức hài lòng của người học về môn học của ISO.*

*b Dependent Variable: Sự hài lòng*

**Bảng 9. Phân tích phương sai ANOVA<sup>a</sup>**

| Model | Sum of Squares | Df      | Mean Square | F       | Sig.      |                   |
|-------|----------------|---------|-------------|---------|-----------|-------------------|
| 1     | Regression     | 899,394 | 6           | 149,899 | 4,953,905 | .000 <sup>b</sup> |
|       | Residual       | 23,995  | 793         | 0.03    |           |                   |
|       | Total          | 923,389 | 799         |         |           |                   |

*a Predictors: (Constant), Sự quan tâm của Nhà trường tới SV, Đội ngũ giảng viên, Cơ sở vật chất, Sự nhiệt tình của CB, GV, Khả năng thực hiện cam kết, Mức hài lòng của người học về môn học của ISO.*

F có mức ý nghĩa Sig. = 0,000 (nhỏ hơn 0,05), có nghĩa là hồi qui phù hợp với dữ liệu thu thập được và các biến đưa vào đều có ý nghĩa trong thống kê với mức ý nghĩa 5%. Thống kê giá trị F = 4953.905 được dùng để kiểm định giả thiết H0, ở đây ta thấy mối quan hệ tuyến tính là rất

có ý nghĩa với  $p < 0,05$ . Ta có thể bác bỏ giả thiết H0 cho rằng hệ số góc của 6 thành phần trong chất lượng đào tạo bằng 0. Như vậy, các biến độc lập có quan hệ đối với biến phụ thuộc Sự hài lòng.

Kết quả phân tích các hệ số hồi qui cho thấy,

**Bảng 10. Các hệ số hồi qui giữa các thành phần chất lượng Coefficients<sup>a</sup>**

| Model |            | Unstandardized Coefficients |            | Standardized Coefficients | t      | Sig.  | Collinearity Statistics |        |
|-------|------------|-----------------------------|------------|---------------------------|--------|-------|-------------------------|--------|
|       |            | B                           | Std. Error | Beta                      |        |       | Tolerance               | VIF    |
| 1     | (Constant) | -0.039                      | 0.024      |                           | -1.608 | 0.108 |                         |        |
|       | VC         | 0.327                       | 0.022      | 0.322                     | 14.688 | 0     | 0.068                   | 14.693 |
|       | NT         | 0.025                       | 0.018      | 0.023                     | 1.375  | 0.17  | 0.113                   | 8.881  |
|       | GV         | -0.019                      | 0.024      | -0.018                    | -0.765 | 0.444 | 0.058                   | 17.362 |
|       | KN         | 0.576                       | 0.039      | 0.571                     | 14.952 | 0     | 0.022                   | 44.557 |
|       | QT         | 0.094                       | 0.038      | 0.093                     | 2.487  | 0.013 | 0.024                   | 42.421 |
|       | ISO        | 0.009                       | 0.025      | 0.009                     | 0.38   | 0.704 | 0.064                   | 15.606 |

*a Dependent Variable: Sự hài lòng*

mức ý nghĩa của các thành phần Sig. = 0,000 (nhỏ hơn 0,05). Do đó, ta có thể nói rằng các biến độc lập đều có tác động đến sự hài lòng của SV về chất lượng đào tạo. Tất cả các thành phần trong chất lượng đào tạo đều có ý nghĩa trong mô hình và tác động cùng chiều đến sự hài lòng của SV do các hệ số hồi qui đều mang dấu dương. Giá trị hồi qui chuẩn của các biến độc lập trong mô hình có giá trị báo cáo lần

lượt: Cơ sở vật chất là 0,322; Sự nhiệt tình của cán bộ và giảng viên là 0,023; Đội ngũ GV là -0,018; Khả năng thực hiện cam kết là 0,571; Sự quan tâm của Nhà trường tới SV là 0,093; Mức hài lòng của người học về môn học của ISO là 0.009.

Qua kết quả phân tích hồi qui ta có mô hình:  
 $SET = 0,322VC + 0,023NT - 0,018GV + 0,571KN + 0,093QT + 0,009ISO = \varepsilon$ .

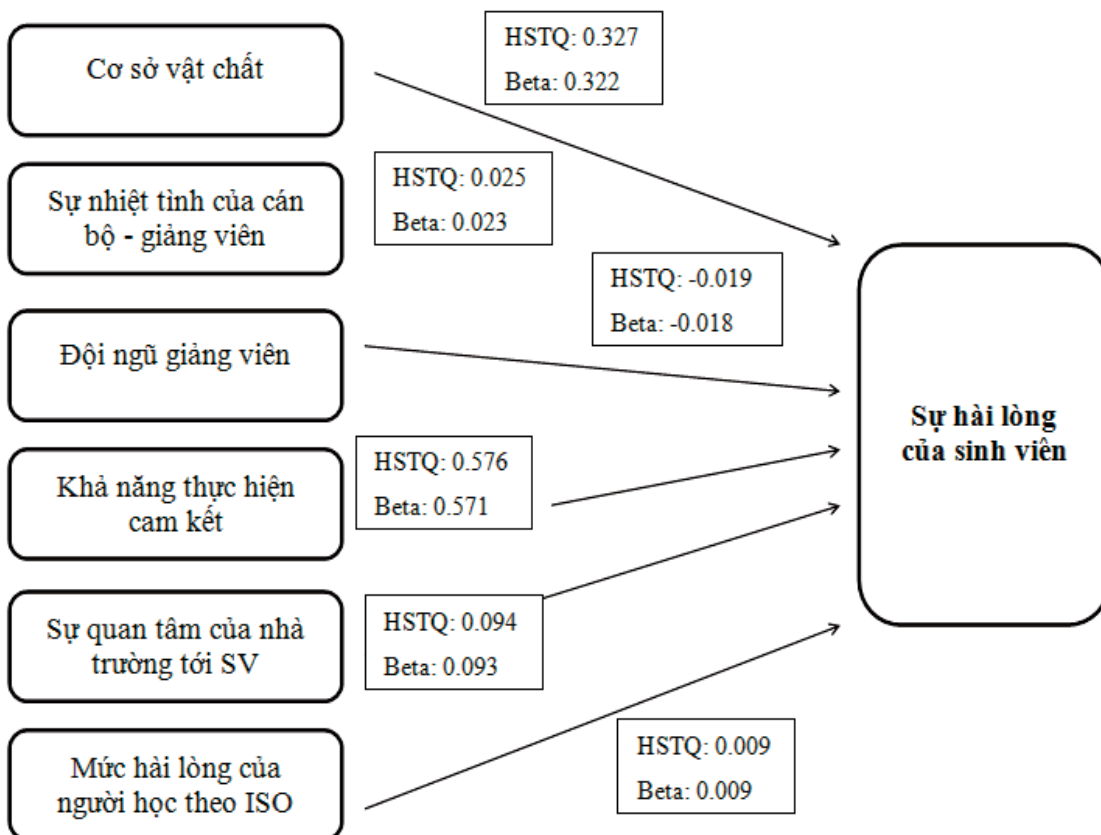
## BÀI BÁO KHOA HỌC

Mô hình trên giải thích được 97.4% sự thay đổi của biến SET là do các biến độc lập tạo ra, còn lại 2.6% biến thiên được giải thích bởi các biến khác nằm ngoài.

Phân tích cho thấy các biến độc lập đều ảnh hưởng thuận chiều đến mức độ thỏa mãn của người sử dụng ở độ tin cậy 95%. Qua phương trình hồi qui chúng ta thấy, nếu giữ nguyên các biến độc lập còn lại không đổi thì khi điểm đánh giá về Cơ sở vật chất tăng lên 1 thì sự hài lòng của SV tăng trung bình lên 0,327 điểm. Tương tự, khi điểm đánh giá về Sự nhiệt tình của cán bộ và GV tăng lên 1 điểm thì sự hài lòng của SV về chất lượng đào tạo tăng lên trung bình 0,025 điểm; khi điểm đánh giá về Đội ngũ GV tăng lên 1 điểm thì sự hài lòng của SV về chất lượng đào tạo giảm xuống trung bình 0,019 điểm; khi điểm đánh giá về Khả năng thực hiện cam kết tăng lên 1 điểm thì sự hài lòng của SV về chất lượng đào tạo tăng lên trung bình 0,576 điểm; khi điểm đánh giá về Sự quan tâm của Nhà trường tới SV tăng lên 1 điểm thì sự hài lòng của SV về chất lượng đào tạo tăng lên trung

bình 0,094 điểm; khi điểm đánh giá về Mức hài lòng của người học về môn học của ISO tăng lên 1 điểm thì sự hài lòng của SV về chất lượng đào tạo tăng lên trung bình 0,009 điểm. Qua kết quả giá trị hồi quy chuẩn (Standardized Coefficients Beta) cho ta biết tầm quan trọng của từng biến độc lập đối với biến phụ thuộc. Giá trị Beta tại bảng 3.27 cho ta biết mức độ ảnh hưởng giữa 6 biến độc lập và biến phụ thuộc, giá trị hồi quy chuẩn của Cơ sở vật chất ảnh hưởng 32.2% đến Sự hài lòng; giá trị hồi quy chuẩn của Sự nhiệt tình của cán bộ và GV ảnh hưởng 2.3% đến Sự hài lòng; giá trị hồi quy chuẩn của Đội ngũ GV ảnh hưởng 1.8% đến Sự hài lòng; giá trị hồi quy chuẩn của Khả năng thực hiện cam kết ảnh hưởng 57.1% đến Sự hài lòng; giá trị hồi quy chuẩn của Sự quan tâm của Nhà trường tới SV ảnh hưởng 9.3% đến Sự hài lòng của SV về chất lượng đào tạo; giá trị hồi quy chuẩn của Mức hài lòng của người học về môn học của ISO ảnh hưởng 0.9% đến Sự hài lòng của SV về chất lượng đào tạo.

Qua biểu đồ 1 cho ta thấy được tầm quan



Sơ đồ 1. Kết quả hồi qui giữa các thành phần chất lượng



**Khẳng định chất lượng đào tạo là một trong những yếu tố giúp nâng cao sự hài lòng của sinh viên với cơ sở đào tạo**

trọng của các thành phần phụ thuộc vào giá trị tuyệt đối của hệ số hồi qui đã chuẩn hóa. Thành phần nào có giá trị tuyệt đối càng lớn thì càng ảnh hưởng đến mức độ hài lòng càng nhiều. Do đó, trong biểu đồ 1 chúng ta thấy Sự hài lòng chịu nhiều nhất từ thành phần Khả năng thực hiện cam kết ( $\text{Beta} = 0,571$ ); thứ hai là thành phần Cơ sở vật chất ( $\text{Beta} = 0,322$ ); thứ ba là thành phần Sự quan tâm của Nhà trường tới SV ( $\text{Beta} = 0,093$ ); thứ tư là thành phần Sự nhiệt tình của đội ngũ cán bộ và GV ( $\text{Beta} = 0,023$ ); thứ năm là thành phần Hài lòng của người học về môn học của ISO ( $\text{Beta} = 0,009$ ) và cuối cùng là thành phần Đội ngũ GV ( $\text{Beta} = - 0.018$ ).

### **KẾT LUẬN**

Qua các bước phân tích xử lý số liệu trên phần mềm SPSS chúng tôi đã phân tích được tất cả các thành phần phản ánh chất lượng đào tạo đều có ý nghĩa trong mô hình và tác động cùng chiều đến sự hài lòng của SV do các hệ số hồi qui đều mang dấu dương. Từ kết quả hồi quy có thể thấy được thang đo sự hài lòng của SV phụ thuộc lớn theo thứ tự là: Khả năng thực hiện cam kết; Cơ sở vật chất; Sự quan tâm của Nhà trường tới sinh viên; Sự nhiệt tình của cán bộ và giảng viên; Mức hài lòng của người học về môn học của ISO; Đội ngũ giảng viên. Kết quả khảo sát và phân tích hoàn toàn phù hợp với thực tế của Nhà trường.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trần Thị Tú Anh (2008), “Nghiên cứu đánh giá chất lượng giảng dạy đại học tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền”, *Luận văn Thạc sĩ Quản lý giáo dục, Viện Đảm bảo Chất lượng Giáo dục, ĐHQG Hà Nội.*
2. Nguyễn Kim Dung (2010), “Khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng giảng dạy và quản lý của một số trường ĐH Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Đánh giá Xếp hạng các trường đại học và cao đẳng Việt Nam.*
3. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Thống kê.
4. Duncan Muray & Gary Howard (2012), *The Relationships among Service Quality, Value, Satisfaction and Future Intention of Customer at Australian Sport and Leisure Center. Sport Management Review*, Vol. 4, No 1, pp. 25-43.
5. Siskos, Y., Bouranta, N., Tsotsolas, N. (2005), *Measuring service quality for students in higher education: the case of a business university*, *Foundations of Computing and Decision Sciences*, 30, 2, 163-180.

(Bài nộp ngày 22/12/2022, phản biện ngày 9/1/2023, duyệt in ngày 24/2/2023)

Chịu trách nhiệm chính: Mai Thị Hồng Hạnh;  
Email: honghanh@gmail.com)

**1. Đặng Văn Dũng**

Chúc mừng năm mới 2023

**LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO****4. Chung Anh**

05 sự kiện tiêu biểu năm 2022 của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**8. Trương Quốc Uyên**

Các phòng trào khỏe vì nước theo gương Bác Hồ vĩ đại

**10. Nguyễn Văn Phúc**

Nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh năm 2023

**12. Trần Trung**

Định hướng hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh năm 2023

**14. Đặng Văn Dũng; Đinh Quang Ngọc**

Định hướng hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh năm 2023

**17. Đặng Hoài An**

Mục tiêu và định hướng công tác đào tạo vận động viên tại trung tâm đào tạo vận động viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh năm 2023

**20. Trương Quốc Chí**

Thể thao mạo hiểm - một số khuyến nghị khi lựa chọn để định hướng phát triển tại Việt Nam

**25. Phạm Trường Nam; Cao Trường Sơn**

Khôi phục các môn thể thao dân tộc phát huy giá trị văn hóa truyền thống

**BÀI BÁO KHOA HỌC****30. Đặng Văn Dũng; Phùng Thị Phương**

Xác định cấu trúc quá trình huấn luyện trong giai đoạn chuyên môn hóa cho các câu lạc bộ Cờ vua chuyên nghiệp Miền Bắc

**33. Mai Thị Hồng Hạnh; Lê Quý Phương**

Xác định mức độ hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo tại Trường Đại học thể dục thể thao thành phố Hồ Chí Minh

**40. Mai Thị Bích Ngọc; Đinh Thị Hằng**

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**44. Nguyễn Hữu Hùng; Hoàng Thúy Anh**

Tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa thành dụng cụ tập luyện phát triển thể lực cho học sinh Trung học sơ sở trên địa bàn thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

**51. Trần Việt Sơn; Nguyễn Kiên Sao; Phan Trung Kiên; Vũ Xuân Tình**

Thực trạng, nhu cầu, các yếu tố đảm bảo dạy và học môn Võ Karate tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân

**57. Nguyễn Thị Minh Hiền**

Lựa chọn giải pháp phát triển câu lạc bộ thể dục thể thao cho sinh viên Trường Đại học sư phạm Hà Nội

**62. Đỗ Hữu Trường**

Nghiên cứu diễn biến một số chỉ số tim mạch đặc trưng của vận động viên Bắn súng đội tuyển trẻ Quốc gia tại Trung tâm Đào tạo Vận động viên, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

**TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT****66. Đỗ Hữu Trường**

Công đoàn Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh triển khai các nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 với chủ đề “tập trung phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở”, từng bước hoàn thành nhiệm vụ chính trị Nghị quyết Đại hội đại biểu Công đoàn trường khóa XXV, nhiệm kỳ 2023-2028

**69. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Văn Hiếu**

Bài tập cơ bụng tư thế đứng với tạ tay

**72.** Tổng hợp các bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao năm 2022

**80. Thể lệ viết và gửi bài.**



**1. Dang Van Dung**  
Happy New Year 2023

## **THEORY AND PRACTICE OF SPORTS**

**4. Chung Anh**  
05 outstanding event of Bac Ninh Sports University

**8. Truong Quoc Uyen**  
Movements for country health follow the example of the great Uncle Ho

**10. Nguyen Van Phuc**  
Key tasks in the development of Bac Ninh Sports University in 2023

**12. Tran Trung**  
Orientation of training activities and international cooperation of Bac Ninh Sports University in 2023

**14. Dang Van Dung; Dinh Quang Ngoc**  
Orientation of scientific and technological activities of Bac Ninh Sports University in 2023

**17. Dang Hoai An**  
Objectives and orientation of athlete training at the athlete training center of Bac Ninh Sports University in 2023

**20. Truong Quoc Chi**  
Extreme sports - some recommendations when choosing to develop development orientation in Vietnam

**25. Pham Truong Nam; Cao Truong Son**  
Restore national sports and promote traditional cultural values

## **ARTICLES**

**30. Dang Van Dung; Phung Thi Phuong**  
Determining the structure of the training process in the specialization period for the professional chess clubs in the North

**33. Mai Thi Hong Hanh; Le Quy Phuong**  
Determining the level of student satisfaction about the quality of training at Ho Chi Minh City Sports University

**40. Mai Thi Bich Ngoc; Dinh Thi Hang**  
Actual situation of factors affecting the development of soft skills for students at Bac Ninh Sports University

**44. Nguyen Huu Hung; Hoang Thuy Anh**  
Recycling and reusing plastic waste into physical training tools for junior high school students in Tu Son city, Bac Ninh province

**51. Tran Viet Son; Nguyen Kiem Sao; Phan Trung Kien; Vu Xuan Tinh**  
Actual situation, needs, and factors to ensure teaching and learning of Martial Arts at National Economics University

**57. Nguyen Thi Minh Hien**  
Choosing a solution to develop sports clubs for students of Hanoi National University of Education

**62. Do Huu Truong**  
Study on the evolution of some typical cardiovascular indicators of National Youth Shooting Athletes at the Athlete Training Center, Bac Ninh Sports University

## **NEWS - EVENTS AND PEOPLE**

**66. Do Huu Truong**  
The Trade Union of Bac Ninh Sports University deploys key tasks in 2023 with the theme of "focusing on developing union members, establishing grassroots trade unions", step by step completing political tasks of the National Assembly Resolution, Delegate Assembly of the School Trade Union, class XXV, term 2023-2028

**69. Pham Tuan Dung; Nguyen Van Hieu**  
Abdominal exercises standing with dumbbells

**72.** Summary of articles published in the Education, Science and Sport Coaching journal in 2022

**80. Rules of writing and posting.**



**Tạp chí KHOA HỌC**

# **ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

**JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING**

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

**Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

ISSN 1859-4417

**Số 1-2023**  
**(74)**

